TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 499/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/11/2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trung Thành

2. Bà Nguyễn Thị Thu Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 371/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 407/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 309/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số nhà 51/10, ấp Bình Thới, xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp Bình Thới, xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà với ông Bùi Văn T tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 24/11/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc, ông Tèo không lo làm ăn, bỏ bê vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng ông Tèo

không thay đổi dẫn đến gia đình thường xuyên mâu thuẫn. Từ đó, vợ chồng chính thức sống ly thân. Bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn T.

Bà với ông Bùi Văn T có 02 con chung tên Bùi Huy C sinh ngày 29/01/2005 và Bùi Thị Kim H sinh ngày 21/11/2009. Sau ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Bùi Văn T vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không cung cấp ý kiến.

- Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn T tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cả hai dần không có tiếng nói chung. Mặc dù cả hai tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thể hòa hợp và theo bà Hiền vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Quá trình ly thân mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau. Ngoài ra, từ khi bà Nguyễn Thị H nộp đơn yêu cầu xin ly hôn đến nay, Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên hàn gắn, có tiến hành hòa giải nhưng không thành do ông Tèo vắng mặt, phía bà Hiền cương quyết xin ly hôn. Điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn T là có cơ sở chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn T có 02 con chung tên Bùi Huy C sinh ngày 29/01/2005 và Bùi Thị Kim H sinh ngày 21/11/2009. Bà Hiền yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, quá trình ly thân con chung sống cùng bà Hiền nên cuộc sống đã ổn định. Hai con chung có nguyện vọng được sống cùng bà Hiền. Để bảo đảm cho việc chăm sóc nuôi dưỡng và quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Bùi Huy C sinh ngày 29/01/2005 và Bùi Thị Kim H sinh ngày 21/11/2009 cho bà Hiền tiếp tục nuỗi dưỡng là phù hợp.

Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn T cư trú tại xã Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[1.3] Bị đơn ông Bùi Văn T không đưa ra chứng cứ, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cung cấp. Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Bà Nguyễn Thị H trình bày bà với ông Bùi Văn T tự nguyện sống chung với nhau. Giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 24/11/2003 của Ủy ban nhân dân xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn giữa ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị H nên ông Bùi Văn T với bà Nguyễn Thị H xác lập quan hệ giữa vợ và chồng. Trích lục khai sinh số 294/TLKS-BS ngày 25/5/2020 và số 285/TLKS-BS ngày 21/5/2020 của Ủy ban nhân dân Bình Thủy, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang thể hiện Bùi Huy C sinh ngày 29/01/2005 và Bùi Thị Kim H sinh ngày 21/11/2009 là con của ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị H

[2.2] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Trong quá trình sống chung bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn T phát sinh mâu thuẫn nên đã không sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H kiên quyết yêu cầu được ly hôn, trình bày tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Ông Bùi Văn T không có ý kiến thể hiện muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã thông báo hòa giải nhưng các đương sự vắng mặt nên không hòa giải được vụ án. Vậy, bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

[2.3] Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Con chung của bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn T là Bùi Huy C sinh ngày 29/01/2005 và Bùi Thị Kim H sinh ngày 21/11/2009 có nguyện vọng được sống chung với bà Nguyễn Thị H và hiện nay đang do bà Hiền trực tiếp nuôi. Ông Bùi Văn T không có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Bùi Huy C sinh ngày 29/01/2005 và Bùi Thị Kim H sinh ngày 21/11/2009 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi. Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn T không có yêu cầu giải quyết về nợ chung và tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn T.

- Về con chung: Giao con chung của bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn T là Bùi Huy C sinh ngày 29/01/2005 và Bùi Thị Kim H sinh ngày 21/11/2009 (hiện nay đang do bà Nguyễn Thị H nuôi) cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi.

Ông Bùi Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Bùi Văn T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Bùi Văn T. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0000293 ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Điệp